
Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Tên dự án: Xây dựng hệ thống cống hộp kênh Bến Kem đoạn từ nhà ông Chín đến kênh Đại Trà 2, xã Kiến Minh

2. Địa điểm xây dựng: Xã Kiến Minh, Thành phố Hải Phòng

3. Mục tiêu đầu tư.

+ Khôi phục và nâng cao chức năng tiêu thoát nước của tuyến kênh: Đảm bảo dòng chảy thông suốt, giảm tắc nghẽn, ngăn ngừa ngập úng cục bộ trong khu dân cư và các khu vực hạ lưu; Tăng khả năng tiêu thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt và nước nội đồng, góp phần bảo vệ an toàn hạ tầng kỹ thuật và đời sống người dân

+ Giải quyết ô nhiễm môi trường, nâng cao chất lượng sống: Loại bỏ ô nhiễm, xử lý nước thải, bùn rác tích tụ lâu năm; Cải thiện cảnh quan, loại bỏ mùi hôi, hạn chế ruồi muỗi, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và tạo môi trường sống sạch, an toàn.

+ Đảm bảo trật tự hành lang kênh và quản lý đất đai: Giải quyết triệt để tình trạng lấn chiếm, san lấp và sử dụng đất kênh sai mục đích; Thiết lập hành lang kỹ thuật ổn định, thuận lợi cho quản lý, duy tu, bảo trì công trình trong tương lai.

+ Đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống thủy lợi khu vực: Hệ thống cống hộp đầu nối trực tiếp ra kênh cấp 1, tạo mạng lưới thoát nước liên hoàn, bảo đảm vận hành hiệu quả, ổn định và bền vững; Hạn chế nguy cơ ô nhiễm lan rộng xuống hệ thống kênh hạ lưu.

+ Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội và xây dựng nông thôn mới nâng cao: Cải thiện điều kiện hạ tầng và môi trường, góp phần nâng cao tiêu chí môi trường, hạ tầng kỹ thuật và chất lượng sống của nhân dân; Tạo tiền đề cho chỉnh trang khu dân cư, phát triển nông nghiệp và các hoạt động kinh tế – xã hội bền vững trong tương lai.

4. Quy mô dự án:

Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cống hộp tuyến kênh Bến Kem (đoạn từ nhà ông Chín đến kênh Đại Trà 2, xã Kiến Minh) có quy mô cụ thể như sau:

- Tổng chiều dài tuyến cống hộp: khoảng 314 m, bao gồm hai loại cống chính với tính chất và kích thước khác nhau, phù hợp với hiện trạng thực tế và chức năng tiêu thoát nước:

+ Đoạn cống hộp loại 1x1m dài 88m: Nằm ở khu vực xen kẽ phía sau khu dân cư, nơi hành lang kênh hẹp, có nhiều công trình dân sinh và vị trí lấn chiếm.

+ Đoạn cống hộp loại 3x3m dài 226m: Nối tiếp từ đoạn phía sau dân cư và chạy thẳng ra kênh cấp 1.

4. Loại nhóm dự án, cấp công trình chính:

Loại nhóm dự án – Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật nhóm C.
Loại cấp công trình: Cấp IV

5. Thời hạn hoàn thành: 270 ngày

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện:

1. Thời gian hoàn thành công trình: 270 ngày

Ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành tổng thể cho toàn bộ công trình, nhà thầu cần lập bảng tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình hoặc từng phần việc cụ thể phù hợp với công trình, với các thông số cơ bản:

Kèm theo đó là khối lượng thực hiện, số lượng nhân công, máy móc cần thiết huy động để hoàn thành công việc theo tiến độ.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

- Nhà thầu phải thực hiện đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật được đề cập trong đồ án thiết kế được duyệt và Chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo. Ngoài các quy định chủ yếu này nhà thầu phải tuân theo các yêu cầu kỹ thuật trong các tiêu chuẩn quy trình quy phạm hiện hành của Nhà nước và các đề xuất trong hồ sơ dự thầu được chủ đầu tư chấp nhận, đảm bảo đúng chủng loại, phẩm chất vật tư thiết bị đưa vào xây dựng công trình.

- Toàn bộ vật liệu đưa vào thi công xây đưa vào thi công xây dựng công trình đều phải được kiểm định chất lượng, phải có nhãn mác nơi sản xuất và kết quả kèm theo mới được triển khai xây dựng. Với các nhóm sản phẩm vật liệu xây dựng theo quy định tại phần 2 quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD của Bộ xây dựng phải có chứng nhận hợp quy của sản phẩm theo quy định mới được đưa vào công trình xây dựng.

- Các hạng mục công trình phải được thi công, nghiệm thu theo đúng quy định về quản lý chất lượng công trình ban hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Ngoài các điều khoản đã nêu trong điều kiện kỹ thuật trên, trong quá trình thi công nhà thầu phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan được liệt kê dưới đây:

1. Yêu cầu chung:

Trong hồ sơ dự thầu, khi trình bày các nội dung về kỹ thuật thi công, biện pháp an toàn và bảo vệ môi trường, khả năng đáp ứng yêu cầu về máy móc, thiết bị thi công, biện pháp đảm bảo chất lượng, các nhà thầu cần phải căn cứ vào các yêu cầu nêu trong mục thông tin chuyên môn này để trình bày. Sự đầy đủ các nội dung theo yêu cầu là một trong những yếu tố cạnh tranh quan trọng và là cơ sở để xem xét về tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng. Những thông tin chuyên môn được nhà thầu trình bày trong hồ sơ dự thầu, cùng với nội dung khác của Hồ sơ dự thầu sẽ là một phần không thể thiếu được để hình thành hợp đồng kinh tế giữa nhà thầu với chủ đầu tư.

2. Yêu cầu về quy chuẩn, quy phạm:

Toàn bộ các công việc thi công xây lắp, nghiệm thu, thí nghiệm, an toàn lao động, quản lý chất lượng xây dựng ... của gói thầu phải tuân thủ các yêu cầu của Hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) được nêu dưới đây. Các nhà thầu khi trình bày chi tiết các công tác theo yêu cầu của tiêu chuẩn trong hồ sơ mời thầu phải trích dẫn đúng tên các tiêu chuẩn cần tuân thủ cho từng công tác cụ thể. Đối với một số yêu cầu quan trọng nhà thầu trích dẫn cả những quy định cụ thể của tiêu chuẩn. Trên cơ sở những tiêu chuẩn được nêu trong hồ sơ mời thầu, nhà thầu cần phải xây dựng bộ tiêu chuẩn thi công - Nghiệm thu - Thí nghiệm cho toàn bộ gói thầu. Bộ tiêu chuẩn này nhà thầu có thể trình bày ngay trong Hồ sơ dự thầu hoặc tổng hợp trình Chủ đầu tư ngay sau khi trúng thầu. Số lượng các tiêu chuẩn qui phạm mà nhà thầu trình bày không ít hơn số lượng tiêu chuẩn ghi trong Hồ sơ dự thầu. Khuyến khích các nhà thầu trình bày bộ tiêu chuẩn thi công của gói thầu ngay trong hồ sơ dự thầu.

Tiêu chuẩn về thi công và nghiệm thu:

- Toàn bộ các yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu công trình phải tuân thủ theo các qui định của Hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN). Trong phần trình bày các giải pháp kỹ thuật thi công, tổ chức và thi công chi tiết các công việc, hạng mục công trình của HSMT, các nhà thầu cần trích dẫn cụ thể tên, mã hiệu tiêu chuẩn và những điểm chính trong tiêu chuẩn phải tuân thủ cho các công tác đó. Đây là yêu cầu bắt buộc và được xem là một chỉ tiêu trong đánh giá chi tiết.

Ngoài việc cần tuân thủ các hướng dẫn, yêu cầu tại Chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo, nhà thầu cần thực hiện các nội dung sau:

3.1. Tổ chức công trường:

a. Lập bản vẽ thiết kế mặt bằng tổ chức thi công: Trên mặt bằng phải thể hiện đầy đủ, rõ ràng:

- + Giai đoạn thi công xây lắp công trình.
- + Các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy
- + Vị trí các công trình được thi công, công trình phục vụ thi công, kho bãi...
- + Khu vực sắp xếp nguyên vật liệu, cấu kiện.
- + Khu vực thu gom vật liệu phế thải, đất đá dư thừa.
- + Tuyến đường đi lại, vận chuyển, hệ thống điện, nước phục vụ thi công và sinh hoạt.

+ Hệ thống thoát nước mưa, nước thải trên công trường và biện pháp xử lý trước khi đưa vào hệ thống công cộng.

b. Nội dung thuyết minh thiết kế tổ chức công trường:

- + Trích dẫn tiêu chuẩn, qui phạm làm căn cứ thiết kế.
- + Thuyết minh và chỉ dẫn kỹ thuật cho các nội dung của bản vẽ.

3.2. Bộ máy quản lý, chỉ huy công trường:

3.2.1. Bộ máy quản lý chung

- Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý chung từ công ty đến công trường.

-
- Thuyết minh chỉ dẫn sơ đồ bộ máy.
 - Nêu những nét cơ bản về quyền hạn, trách nhiệm của các bộ phận chủ chốt của công ty đối với công trường.

3.2.2. Bộ máy quản lý - chỉ huy tại hiện trường

- Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý và chỉ huy tại hiện trường.
 - Thuyết minh chỉ dẫn sơ đồ.
 - Mô tả quan hệ chính giữa Trụ sở chính với bộ máy chỉ huy công trường.
- Đặc biệt lưu ý đến các quan hệ, thẩm quyền giải quyết khi có các sự cố.
- Nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn sẽ được giao cho một số cán bộ chủ chốt tại hiện trường; Chỉ huy công trường; Phụ trách kỹ thuật thi công tại hiện trường; Phụ trách hệ thống quản lý chất lượng tại hiện trường; Đội trưởng, tổ trưởng.
 - Trích ngang lý lịch, kinh nghiệm các cán bộ chủ chốt tại hiện trường đã nêu trên.

3.2.3. Nhân sự thi công trên công trường

Nhà thầu tự đề xuất công nhân kỹ thuật phù hợp với Biểu đồ huy động nhân sự và Biểu đồ tiến độ. Công nhân kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp (vận hành thiết bị công trình, thợ điện, thợ cấp thoát nước, thợ hàn, thợ cơ khí....).

3.3. Biện pháp thi công chi tiết:

Nhà thầu cần nêu những nét cơ bản của toàn bộ các nội dung như sau:

3.3.1. Công tác chuẩn bị khởi công

- Trích dẫn tiêu chuẩn, qui phạm và các văn bản pháp lý làm căn cứ.
- Chuẩn bị hồ sơ kỹ thuật trước khi khởi công.
- Chuẩn bị lực lượng thi công.
- Chuẩn bị thiết bị + máy móc.
- Chuẩn bị mặt bằng và các thủ tục để khởi công.

3.3.2 Công tác thi công san gạt:

Trích dẫn tiêu chuẩn, qui phạm.

- Quy trình thi công
- Mô tả chi tiết công đoạn thi công chủ yếu trong quy trình đảm bảo an toàn công trình (có thể minh họa bằng hình vẽ hoặc bản vẽ kỹ thuật).
- Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công công trình

3.3.3. Công tác đào, đắp đất

Trích dẫn tiêu chuẩn, qui phạm.

- Quy trình thi công đào đắp đất
- Mô tả chi tiết công đoạn thi công chủ yếu trong qui trình (có thể minh họa bằng hình vẽ hoặc bản vẽ kỹ thuật).
- Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công đào đắp đất

3.3.4. Công tác đóng cọc

- Trích dẫn tiêu chuẩn, qui phạm.
- Quy trình thi công đóng cọc

- Mô tả chi tiết công đoạn thi công chủ yếu trong qui trình (có thể minh hoạ bằng hình vẽ hoặc bản vẽ kỹ thuật).

- Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công ép cọc

3.3.5. Công tác cốt thép

- Trích dẫn tiêu chuẩn, qui phạm.

- Qui trình thi công Cốt thép.

- Mô tả chi tiết công đoạn thi công chủ yếu trong qui trình (có thể minh hoạ bằng hình vẽ hoặc bản vẽ kỹ thuật).

- Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công Cốt thép.

3.3.6. Công tác bê tông.

- Trích dẫn tiêu chuẩn, qui phạm.

- Qui trình thi công Bê tông.

- Mô tả chi tiết công đoạn thi công chủ yếu trong qui trình (có thể minh hoạ bằng hình vẽ hoặc bản vẽ kỹ thuật).

- Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công Bê tông.

3.3.7. Công tác ván khuôn

- Trích dẫn tiêu chuẩn, qui phạm.

- Qui trình thi công ván khuôn

- Mô tả chi tiết công đoạn thi công chủ yếu trong qui trình (có thể minh hoạ bằng hình vẽ hoặc bản vẽ kỹ thuật).

- Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công ván khuôn

3.3.8. Công tác thi công phần xử lý, gia cố kết cấu móng

- Trích dẫn tiêu chuẩn, qui phạm.

- Qui trình thi công phần xử lý, gia cố kết cấu móng

- Mô tả chi tiết công đoạn thi công chủ yếu trong qui trình (có thể minh hoạ bằng hình vẽ hoặc bản vẽ kỹ thuật).

- Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công phần xử lý, gia cố kết cấu móng.

3.4 Một số yêu cầu về vật liệu chủ yếu dùng cho gói thầu:

Nhà thầu phải có bảng kê khai đầy đủ, chi tiết về chủng loại, chất lượng vật tư, vật liệu, các tiêu chuẩn kỹ thuật, nguồn gốc vật tư, vật liệu chính dùng xây dựng công trình đảm bảo chất lượng, nguồn gốc vật liệu tương đương hoặc tốt hơn yêu cầu kỹ thuật.

Yêu cầu chung:

Các vật tư do nhà thầu cấp khi đưa vào sử dụng cho công trình phải tuân thủ theo quy trình sau :

- Xuất trình các giấy tờ liên quan đến xuất xứ vật tư, hàng hoá thiết bị.

- Xuất trình các biên bản thí nghiệm, catalog hàng hoá thiết bị.

- Kiểm tra lập biên bản cùng giám sát A, TVGS.

- Nhà thầu phải trình nguồn gốc và biện pháp tổ chức vận chuyển đến công trường của từng loại vật liệu cho Bên A xem xét và quyết định trước khi thực hiện.

- Khi phát hiện có sự thay đổi về nguồn gốc, chủng loại vật liệu, mẫu mã hàng hoá... Bên A có quyền ngừng thi công để kiểm tra, nếu không đạt yêu cầu, nhà thầu có trách nhiệm chuyển toàn bộ số vật liệu sai khác đó ra khỏi công trình và chịu mọi phí tổn có liên quan.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về an toàn tuyệt đối cho người và máy móc trong thời gian thi công xây dựng công trình

3.4.1. Đối với vật liệu, vật tư:

3.4.1.1 Xi măng pooclan (đen):

Sản phẩm cung cấp mã hiệu, catalog, tiêu chuẩn, nhà sản xuất.

Xi măng pooclan thông dụng – PCB30, PCB40. Xi măng của các đơn vị sản xuất trong nước được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN hiện hành (TCVN 2682-2009).

Xi măng sử dụng tại công trường phải có giấy chứng nhận chất lượng kèm theo với nội dung: tên cơ sở sản xuất, tên gọi ký hiệu mác và chất lượng xi măng theo tiêu chuẩn này, loại và hàm lượng phụ gia (nếu có), khối lượng xi măng xuất xưởng và số lô, ngày, tháng, năm sản xuất.

(Nhà thầu tham khảo đặc tính kỹ thuật sản phẩm của nhà sản xuất xi măng Bim Sơn, Bút Sơn, Hoàng Thạch... để đề xuất sản phẩm tương đương)

3.4.1.2. Xi măng pooclan (trắng):

Sản phẩm cung cấp mã hiệu, catalog, tiêu chuẩn, nhà sản xuất.

Xi măng pooclan thông dụng. Xi măng của các đơn vị sản xuất trong nước được sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN hiện hành (TCVN 5691:2000).

Xi măng sử dụng tại công trường phải có giấy chứng nhận chất lượng kèm theo với nội dung: tên cơ sở sản xuất, tên gọi ký hiệu mác và chất lượng xi măng theo tiêu chuẩn này, loại và hàm lượng phụ gia (nếu có), khối lượng xi măng xuất xưởng và số lô, ngày, tháng, năm sản xuất.

3.4.1.3. Cát xây dựng: Gồm cát sử dụng trộn bê tông, vữa xây, vữa trát :

Tuân theo tiêu chuẩn TCVN 7570:2006. Cát phải sạch sẽ không được vượt quá 3% hàm lượng sét hoặc á sét. Hàm lượng muối gốc Sunfat, sunfit tính ra $SO_3 \leq 1\%$;

a. Phương pháp thử

a.1 Lấy mẫu thử cốt liệu theo TCVN 7572-1 : 2006.

Mẫu thử dùng xác định thành phần hạt có thể dùng để xác định hàm lượng hạt mịn.

a.2 Xác định thành phần hạt của cốt liệu theo TCVN 7572-2 : 2006.

a.3 Xác định thành phần thạch học của cốt liệu theo TCVN 7572-3 : 2006.

a.4 Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu theo TCVN 7572-4 : 2006.

a.5 Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn theo TCVN 7572-5 : 2006.

a.6 Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng của cốt liệu theo TCVN 7572-6 : 2006.

a.7 Xác định độ ẩm của cốt liệu theo TCVN 7572-7 : 2006.

a.8 Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ theo TCVN 7572-8 : 2006.

a.9 Xác định tạp chất hữu cơ theo TCVN 7572-9 : 2006.

a.10 Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc làm theo TCVN 7572-10 : 2006.

a.11 Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn theo TCVN 7572-11 : 2006.

a.12 Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles theo TCVN 7572-12 : 2006.

a.13 Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn theo TCVN 7572-13 : 2006.

a.14 Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic trong cốt liệu bằng phương pháp hóa học theo TCVN 7572-14 : 2006.

a.15 Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic trong cốt liệu bằng phương pháp thanh vữa theo TCVN 7572-14 : 2006.

a.16 Xác định hàm lượng ion Cl trong cốt liệu theo TCVN 7572-15 : 2006.

b. Sử dụng cát:

+ Đối với bê tông:

- Cát có môđun độ lớn từ 0,7 đến 1 (thành phần hạt như Bảng 1) có thể được sử dụng chế tạo bê tông cấp thấp hơn B15;

- Cát có môđun độ lớn từ 1 đến 2 (thành phần hạt như Bảng 1) có thể được sử dụng chế tạo bê tông cấp từ B15 đến B25;

+ Đối với vữa:

- Cát có môđun độ lớn từ 0,7 đến 1,5 có thể được sử dụng chế tạo vữa mác nhỏ hơn và bằng M5;

- Cát có môđun độ lớn từ 1,5 đến 2 được sử dụng chế tạo vữa mác M7,5.

3.4.1.4.Đá xây dựng (đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6):

Tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 7572:2006; có mác xác định theo nén đập ≥ 400 . Được xay, nghiền, làm sạch bằng dây truyền sản xuất đá tự động (Nếu không đáp ứng được sạch sẽ phải rửa sạch để thỏa mãn yêu cầu này). Thành phần đá và bụi bám theo đá không được chứa bất kỳ vật liệu nào có phản ứng độc hại với Kali trong xi măng.

Thí nghiệm kiểm tra tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 7572:2006.

3.4.1.5. Gạch xây:

Gạch bê tông, chất lượng yêu cầu đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6477:2016:

Sai lệch cho phép của kích thước không được vượt quá:

Theo chiều dài: $\pm 2\text{mm}$

Theo chiều rộng: $\pm 2\text{mm}$

Theo chiều dày: $\pm 3\text{mm}$

- Độ rỗng của viên gạch không lớn hơn 65%.

- Gạch đá vào công trình phải đạt cường độ chịu nén theo các yêu cầu sau:
Gạch mác 75: R_n (trung bình cho 3 mẫu) $\geq 75\text{kg/cm}^2$, R_n (nhỏ nhất cho 1 mẫu) $\geq 67\text{kg/cm}^2$.

3.4.1.6 .Cốt thép dùng cho xây dựng:

Cốt thép sử dụng phải tuân theo các tiêu chuẩn sau:

Thép cốt bê tông – thép tròn trơn TCVN 1651-1:2018.

Thép cốt bê tông – thép thanh vằn TCVN 1651-2:2018.

Thép tấm TCVN 6522-2008.

Thép hình TCVN 7571-2019.

Sản phẩm bắt buộc cung cấp catalog, tiêu chuẩn, nhà sản xuất.

Đối với thép vằn, trên thân cốt thép có ghi ký hiệu của nhà sản xuất và đường kính của thép.

Yêu cầu kỹ thuật: Tính cơ lý của thép phải đảm bảo về các yêu cầu giới hạn chảy, giới hạn bền, độ giãn dài, xác định bằng Phương pháp thử kéo, thử uốn ở trạng thái nguội. Tính cơ lý của từng loại thép và Phương pháp thử được quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

(Nhà thầu tham khảo đặc tính kỹ thuật sản phẩm của nhà sản xuất thép Thái Nguyên, Hòa Phát để đề xuất sản phẩm tương đương).

4. Yêu cầu về Biện pháp an toàn lao động và bảo vệ môi trường

4.1. An toàn lao động.

- Trích dẫn tiêu chuẩn, qui phạm và các văn bản pháp lý về an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Chỉ được phép khởi công xây dựng sau khi đã lập mặt bằng thi công trong đó thể hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ về bảo hộ lao động, bao gồm:

+ Thời gian làm việc và nghỉ ngơi.

+ Chế độ lao động nữ và lao động chưa thành niên.

+ Chế độ bồi dưỡng độc hại.

+ Chế độ trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân.

+ Mua bảo hiểm lao động cho công nhân.

- Phải có biện pháp cải thiện điều kiện lao động cho công nhân.

+ Giảm nhẹ các khâu lao động thủ công nặng nhọc.

+ Ngăn ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các yếu tố nguy hiểm độc hại gây sự cố, tai nạn ảnh hưởng xấu đến sức khỏe hoặc gây bệnh nghề nghiệp.

- Phải thực hiện các qui định về qui phạm kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động. Có sổ nhật ký an toàn lao động và thực hiện đầy đủ chế độ thống kê, khai báo, điều tra phân tích nguyên nhân tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

- Công nhân làm việc trên công trường phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của công việc được giao về tuổi, giới tính, sức khỏe, trình độ bậc thợ và chứng chỉ học tập an toàn lao động.

- Mọi công nhân làm việc trên công trường phải được trang bị và sử dụng đúng các phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp với tính chất của công việc.

- Đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của người lao động: nhà vệ sinh, nhà tắm, nơi trú mưa, nắng; nhà ăn và nghỉ giữa ca, nước uống đảm bảo vệ sinh, nơi sơ cứu và phương tiện cấp cứu tai nạn.

- Sơ đồ tổ chức hệ thống quản lý an toàn lao động.

4.2. Kỹ thuật an toàn trong thi công cho từng công tác:

- An toàn trong tổ chức mặt bằng công trường

- An toàn về điện

- An toàn trong bốc xếp và vận chuyển

- An toàn trong sử dụng dụng cụ cầm tay

- An toàn trong sử dụng xe, máy xây dựng

- An toàn trong công tác cốt pha, cốt thép và bê tông

- An toàn trong thi công phá dỡ.

4.3. An toàn cháy nổ.

- Trích dẫn tiêu chuẩn, qui phạm và các văn bản pháp lý về phòng cháy chữa cháy.

4.4. An toàn thi công trong mùa mưa bão.

- Trích dẫn tiêu chuẩn, qui phạm và các văn bản pháp lý liên quan đến công tác phòng chống bão, lụt và thi công trong mùa mưa bão.

- Tổ chức bộ máy quản lý phòng chống bão lụt.

- Các giải pháp tổ chức học tập, huấn luyện và quản lý hệ thống phòng chống bão lụt.

- Các biện pháp bảo vệ vật tư, vật liệu, cấu kiện thi công dở dang khi có mưa bão.

- Các giải pháp tổng thể để thi công trong mùa mưa bão.

- Giải pháp khắc phục sự cố bão lũ gây ra.

4.5. Bảo vệ môi trường.

4.5.1 Bảo đảm vệ sinh, an toàn cho môi trường xung quanh công trường xây dựng

a. Giữ gìn vệ sinh và an toàn lao động

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, vật liệu phế thải, đất đá ... phải có thùng xe được che chắn kín và giằng buộc vững, để tránh rơi đổ vật được vận chuyển xuống đường.

b. Chống ồn rung động quá mức

- Khi sử dụng các biện pháp thi công cơ giới phải lựa chọn giải pháp thi công thích hợp với đặc điểm, tình hình, vị trí của công trường.

- Đối với công trường, xung quanh có nhiều nhà dân và hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng, phải ưu tiên chọn giải pháp thi công nào gây ra tiếng ồn và rung động nhỏ nhất.

4.5.2 Bảo vệ công trình kỹ thuật hạ tầng, cây xanh hiện có

a. Bảo vệ công trình kỹ thuật hạ tầng

- Trong suốt quá trình thi công, đơn vị thi công không được gây ảnh hưởng xấu tới hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng hiện có.

b. Bảo vệ cây xanh

- Đơn vị thi công có trách nhiệm bảo vệ tất cả các cây xanh đã có trong và xung quanh.

4.5.3 Biện pháp quản lý chất thải rắn

- Quản lý chất thải rắn xây dựng: Nhà thầu phải tự lo bãi đổ thải và có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực bãi đổ thải theo các quy định hiện hành. Nhà thầu phải vận chuyển và xử lý chất thải rắn tại khu vực đổ thải. Trong hồ sơ dự thầu, nhà thầu có hồ sơ bãi đổ thải gồm: mặt bằng đổ thải, sơ đồ cự ly vận chuyển từ công trường đến bãi đổ thải,

- Nhà thầu phải cung cấp văn bản thỏa thuận cho phép đổ thải có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc của đơn vị xử lý chất thải nếu trúng thầu. Nhà thầu phải chịu toàn bộ kinh phí liên quan đến bãi đổ thải, xử lý chất thải.

- Quản lý chất thải rắn sinh hoạt: Nhà thầu tự thu gom vận chuyển về nơi quy định của chính quyền địa phương.

5. Khả năng đáp ứng nhu cầu về máy móc, thiết bị thi công

5.1. Máy móc, thiết bị sử dụng trong thi công xây lắp.

- Lập danh mục máy móc thiết bị thi công với đầy đủ các thông tin: Tên, Mã hiệu xuất xứ, công suất; đặc tính kỹ thuật; chất lượng hiện tại, sở hữu của nhà thầu hay đi thuê.

- Thuyết minh sơ bộ về khả năng đáp ứng mức độ cơ giới hoá tự động hoá của các thiết bị do nhà thầu đưa vào để nâng cao chất lượng và tiến độ của gói thầu.

5.2. Máy móc, thiết bị phục vụ công tác đo lường kiểm tra chất lượng thi công, chất lượng sản phẩm.

- Lập danh mục các máy móc thiết bị dùng để kiểm tra chất lượng công tác thi công, kiểm tra chất lượng sản phẩm, bán sản phẩm XD của gói thầu. Thông tin về máy móc thiết bị gồm: Tên, mã hiệu, xuất xứ, công suất, đặc tính kỹ thuật, chất lượng hiện tại, là sở hữu của nhà thầu hay đi thuê.

- Nêu rõ tên các phòng thí nghiệm xây dựng LAB được nhà thầu lựa chọn để tiến hành thí nghiệm cần thiết.

6. Biện pháp đảm bảo chất lượng.

6.1. Biện pháp đảm bảo chất lượng của vật tư, vật liệu sử dụng.

- Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ được sử dụng, lắp đặt cho gói thầu, trong đó có đầy đủ các thông tin:

-
-
- + Tên, chủng loại, thương hiệu.
 - + Ký, mã hiệu (nếu có).
 - + Đặc tính kỹ thuật.
 - + Tính năng kỹ thuật.
 - + Tiêu chuẩn chất lượng.
 - + Trình độ công nghệ sản xuất.
 - + Hệ thống quản lý chất lượng chế tạo sản phẩm.
 - Các thông tin cho trong bảng phải phù hợp các yêu cầu của HSMT.
 - Lập qui trình kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu trước khi đưa vào công trình và trước khi sử dụng. Qui trình phải đảm bảo rằng: Tất cả vật tư vật liệu trước khi sử dụng đều được kiểm tra sự phù hợp so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
 - Công tác giám sát việc kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng.
 - Nêu giải pháp lưu trữ hồ sơ tài liệu làm bằng chứng chứng minh chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị và công tác giám sát.
 - Nêu rõ giải pháp xử lý đối với các vật tư, vật liệu, thiết bị, bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu.
- 6.2. Đảm bảo chất lượng của sản phẩm, cấu kiện, bán thành phẩm, công trình.
- Lập danh mục các đơn vị sản phẩm (cấu kiện) sẽ được tổ chức nghiệm thu.
 - Lập danh mục và dự kiến tiến độ thời gian nghiệm thu các giai đoạn thi công chính.

- Lập các qui trình nghiệm thu sau:
 - + Qui trình nghiệm thu đơn vị sản phẩm (cấu kiện).
 - + Qui trình nghiệm thu giai đoạn.
 - + Qui trình nghiệm thu sản phẩm hoàn thành đi vào sử dụng.
- Nêu rõ giải pháp xử lý sản phẩm, bán sản phẩm, cấu kiện, hạng mục công việc bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu.

6.3. Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu áp dụng cho gói thầu

- Nêu rõ Mục tiêu - chính sách chất lượng chung của nhà thầu đang được áp dụng cho toàn công ty (Nhà thầu).
- Mục tiêu chất lượng cụ thể sẽ được áp dụng cho gói thầu.
- Sơ đồ hệ thống quản lý chất lượng sẽ được áp dụng cho toàn bộ quá trình thi công của gói thầu: Sơ đồ cần có thuyết minh tóm tắt kèm theo.
- Bộ máy nhân sự của hệ thống quản lý chất lượng sẽ được áp dụng.

7. Yêu cầu về tiến độ thực hiện gói thầu

7.1. Kế hoạch - tiến độ thi công

- Lập biểu đồ ngang (Tiến độ thời gian).
 - Tổng tiến độ thi công.
 - Lập biểu đồ nhân lực;
 - Thuyết minh tổng tiến độ, nội dung cần nêu rõ:
 - + Căn cứ lập tổng thể tiến độ.
-
-

- + Các mốc thời gian chính.
- + Đánh giá chung về tính khả thi và điều kiện để thi công đúng tiến độ.
- + Dự báo khả năng rủi ro ảnh hưởng đến tiến độ.

7.2. Tiến độ hoàn thành hồ sơ, thủ tục thanh toán.

- Nêu qui trình thanh toán giai đoạn thi công.
- Nêu các giải pháp sẽ được thực thi để đảm bảo qui trình.
- Thời hạn dự kiến cho việc hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của thủ tục thanh quyết toán sau khi có biên bản nghiệm thu.

7.3. Tiến độ hoàn thành hồ sơ quyết toán công trình.

- Nêu qui trình quyết toán.
- Nêu rõ giải pháp đảm bảo để thực hiện đúng qui trình.
- Thời hạn dự kiến cho việc hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán sau khi nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

8. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì

Bảo hành công trình, hạng mục công trình phải tuân thủ theo quy định Yêu cầu về bảo hành công trình xây dựng tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Các thông số/yêu cầu tối thiểu về bảo hành mà nhà thầu phải kê khai và đáp ứng được liệt kê trong bảng sau:

STT	Nội dung bảo hành	Yêu cầu tối thiểu	Đề xuất của nhà thầu
1	Các hạng mục công trình xây dựng	≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng	

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1			
2			
...			